

**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG
NUTRICARE**

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ CBSP: T86/NUTRICARE/2025

**THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH
DƯỠNG LEANMAX RENA GOLD 1**

Năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: T86/NUTRICARE/2025

CHI CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM BẮC NINH	
Số: 222	ĐẾN
Ngày: 9/10/2025	
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 0104937284-002

Điện thoại: 02466833368.

Email: contact@nutricare.com.vn

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP:..... Ngày Cấp/Nơi cấp:.....

(Cơ sở đạt chứng nhận ISO 22000 - không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Sản phẩm dinh dưỡng Leanmax Rena Gold 1

2. Thành phần:

Chất béo thực vật, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Đạm đậu nành, Fructose, Isomaltulose (3%), Isomalt (2,5%), Đạm sữa, Maltitol (1,5%), Maltodextrin, Các Khoáng chất (Canxi carbonat, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascobat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Axit folic, Canxi-D-pantothenat, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Phylloquinon), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương kem, hương vani).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và Hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh 40 g, 400 g, 900 g. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong lon thiếc, túi tráng thiếc đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

III. Mẫu nhãn sản phẩm



(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 10 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Công Quý



THÀNH PHẦN/INGREDIENTS

Chất béo thực vật, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Đạm đậu nành, Fructose, Isomaltulose (3%), Isomalt (2,5%), Đạm sữa, Maltitol (1,5%), Maltodextrin, Các khoáng chất (Canxi carbonat, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascobat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Axít folic, Canxi-D-pantothenat, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Phylloquinone), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương kem, hương vani), Vegetable-fat, Soluble fiber (Polydextrose), Soy protein, Fructose, Isomaltulose (3%), Isomalt (2.5%), Milk proteins, Maltitol (1.5%), Maltodextrin, Minerals (Calcium carbonate, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate) and Vitamins (Sodium-L-ascorbate, DL-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinamide, Retinyl acetate, Cholecalciferol, Folic acid, Calcium-D-pantothenate, Cyanocobalamin, Pyridoxine hydrochloride, Thiamine mononitrate, Riboflavin, Phylloquinone), Synthetic flavor (cream flavor, vanilla flavor).

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE

- Trẻ từ 6 - 8 tuổi dùng 2 ly/ngày, Children aged 6 - 8 years: 2 servings per day.
 - Trên 8 tuổi dùng 2 - 3 ly/ngày, Above 8 years: 2 - 3 servings per day.
 Hoặc theo hướng dẫn của bác sĩ/chuyên gia dinh dưỡng, Or follow doctor/dietitian's instruction.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE

• Cho từ 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột) vào 95 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết. Pour 95 ml warm water (approximately 50°C) into the utensil, then add 4 scoops (approximately 40 g of powder). Stir well until the powder is completely dissolved.
 • Hồn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ, Finish using product reconstituted feeding 3 hours after preparation.

BẢO QUẢN/STORAGE

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần. Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opening.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VPGD: Số 8, Khu A-T12 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
 Tư công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
 Nhà máy 1: Lô VIL.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trì Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
 Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
 Nhà máy 1: Lô VIL.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trì Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
 Xuất xứ: Việt Nam.
 Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.
 NSK và HSD: Xem trên bao bì. Số CBSP: T86/NUTRICARE/2025.



CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
1800.6011
 (Miễn phí cuộc gọi đến)
www.nutricare.com.vn

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH
 AVERAGE NUTRITIONAL VALUES⁽¹⁾

Thành phần (Component)	Đơn vị (Unit)	Trong 100g bột (Per 100g powder)	Trong 125 ml phân chuẩn (Per 125 ml)
Năng lượng/Energy	kcal	455	182
Đạm/Lean Protein	g	10,0	4,00
BCAA	mg	1540	616
Leucin/Leucine	mg	750	300
Isoleucin/Isoleucine	mg	490	196
Valin/Valine	mg	190	76
Chất béo/Fat	g	28,6	11,4
^(*) Tổng axit béo không bão hòa (MUFA, PUFA)	mg	9869	3946
Cholesterol/Cholesterol	mg	0	0
Carbohydrat/Carbohydrate	g	29,5	11,8
Đường tổng số/Total sugars	g	7,50	3,00
Đường hòa tan (Polydextrose)	g	20,5	8,20
Soluble fiber (Polydextrose)	g	4,30	1,72
Phốt pho	g	4,30	1,72
Vitamin/Vitamins			
Thiamin B1	μg	1096	436
Thiamin B3	μg	310	123
Thiamin B6	μg	13,8	5,52
Thiamin B12	μg	27,5	11,0
Thiamin C	mg	74,0	29,6
Thiamin B9	μg	680	272
Thiamin B1	μg	830	332
Biotin	μg	11300	4520
Acid pantothenic/Pantothenic acid	μg	2200	880
Thiamin B5	μg	1140	456
Acid folic/Folic acid	μg	210	84,0
Thiamin B12	μg	1,45	0,58
Khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	190	60,0
Kali/Potassium	mg	14,0	5,60
Canxi/Calcium	mg	237	94,8
Phốt pho/Phosphorus	mg	72,0	28,8
Sắt/iron	mg	12,5	5,00
kẽm/Zinc	mg	6,00	2,40

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.
 Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vụn chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa. Những mảnh vụn này không ảnh hưởng đến chất lượng. Những mảnh vụn này không ảnh hưởng đến chất lượng.



Lean max Rena Gold 1

CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG GIẢM PROTEIN GIÚP GIẢM GÃNH NẶNG CHO THẬN

GI=42

ít Natri, Kali, Phốt pho hỗ trợ cân bằng điện giải

Isomaltulose, Isomalt, Maltitol hỗ trợ ổn định đường huyết

Axit béo không bão hòa hỗ trợ tim mạch

CÔNG THỨC
 Giảm lượng nước vào cơ thể*

Khối lượng tịnh: **900 g**

Thực phẩm bổ sung

DÙNG ĐƯỢC CHO NGƯỜI SUY GIẢM CHỨC NĂNG THẬN CHƯA CHẠY THẬN, CÓ ĐÁI THÁO ĐƯỜNG

THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG LEANMAX RENA GOLD 1

Theo khuyến nghị Hiệp hội Thận Quốc gia của Hoa Kỳ (The National Kidney Foundation), người suy giảm chức năng thận cần một chế độ dinh dưỡng giảm Protein, hạn chế các chất điện giải.
Leanmax Rena Gold 1 bổ sung dinh dưỡng, cung cấp ít Protein với hàm lượng Natri, Kali, Phốt pho được kiểm soát, hỗ trợ cân bằng điện giải và duy trì sức khỏe tổng thể, dùng được cho người suy giảm chức năng thận, chưa chạy thận, có đái tháo đường.

GIẢM Protein:

Protein thấp phù hợp với người suy giảm chức năng thận chưa chạy thận.

HỖ TRỢ CÂN BẰNG ĐIỆN GIẢI:

Ít Natri, Kali, Phốt pho hỗ trợ cân bằng điện giải, tránh gây dư thừa Natri dẫn đến phù nề. Đặc biệt với công thức pha phù hợp, **giảm thiểu lượng nước*** cung cấp vào cơ thể.

HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐƯỜNG HUYẾT:

Hệ bột đường Isomaltulose, Isomalt, Maltitol hấp thu chậm được EFSA chứng nhận có chỉ số đường huyết thấp, giúp ổn định đường huyết.

GI=42

HỖ TRỢ TIM MẠCH, PHÒNG THIỂU MÁU:

Bổ sung axit béo không bão hòa (MUFA, PUFA) nguồn gốc thực vật giúp giảm cholesterol máu, tốt cho tim mạch. Bổ đôi Sắt - Axít Folic giúp hạn chế tình trạng thiếu máu.

HỖ TRỢ PHỤC HỒI SỨC KHỎE, CẢI THIỆN TIỂU HÓA:

Dinh dưỡng cao năng lượng, đầy đủ vitamin và khoáng chất cần thiết giúp tăng cường sức khỏe. **Chất xơ hòa tan** hỗ trợ sức khỏe đường ruột, giảm táo bón.

* So với cách pha thông thường của sản phẩm Leanmax Gold 1.

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS

Chất béo thực vật, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Đạm đậu nành, Fructose, Isomaltulose (3%), Sorbitol (2,5%), Đạm sữa, Maltitol (1,5%), Maltodextrin, Các Khoáng chất (Canxi carbonat, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, Di-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Acid folic, Canxi-D-pantothenat, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Phylloquinon). Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương kem, hương vani).
Vegetable fat, Soluble fiber (Polydextrose), Soy protein, Fructose, Isomaltulose (3%), Sorbitol (2.5%), Milk protein, Maltitol (1.5%), Maltodextrin, Minerals (Calcium carbonate, Iron pyrophosphate, Zinc sulfate) and Vitamins (Sodium-L-ascorbate, Di-alpha-tocopheryl acetate, nicotinamide, Retinyl acetate, Cholecalciferol, Folic acid, Calcium-D-pantothenate, Cyanocobalamin, Pyridoxine hydrochloride, Thiamine mononitrate, Riboflavin, Phylloquinone), Synthetic flavor (cream flavor, vanilla flavor).

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE

- Trẻ từ 6 - 8 tuổi dùng 2 ly/ngày /Children aged 6 - 8 years: 2 servings per day.
- Trẻ 8 tuổi dùng 2 - 3 ly/ngày /Above 8 years: 2 - 3 servings per day.
Hoặc theo hướng dẫn của bác sĩ/chuyên gia dinh dưỡng. /Or follow doctor/dietitian's instruction.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE

- Cho từ 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột) vào 95 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50°C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết. /Pour 95 ml warm water (approximately 50°C) into the utensils, then add 4 scoops (approximately 40 g of powder). Stir until the powder is completely dissolved.
- Hồn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ. /Finish using product reconstituted feeding 3 hours after preparation.

BẢO QUẢN/STORAGE

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần. Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VP&GD: Số 8, Khu A-TT2 Hầm Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Tự công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Xuất xứ: Việt Nam.
Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thúc hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1969. Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.
NSX và HSD: Xem trên bao bì. Số CBSP: T86/NUTRICARE/2025.



CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
1800.6011
(Miễn phí cuộc gọi đến)
www.nutricare.com.vn

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH
AVERAGE NUTRITIONAL VALUES⁽¹⁾

Thành phần Components	Đơn vị Unit	Trong 100g bột nguyên chất In 100g powder	Trong 125 ml pha chuẩn In 125ml
Hàm lượng Energy	kcal	451	182
Chất Sắt Protein	g	10,9	4,00
IRAM	mg	1543	616
Leucin/Leucine	mg	750	299
Balanin/Balanin	mg	400	160
Chất béo Fat	mg	100	156
Chất xơ Fiber	g	20,5	11,4
Tổng axit béo bão hòa bão hòa (MUF, PUFA) Total saturated fatty acids	mg	9600	3944
Carbohydrate/Carbohydrate	g	29,3	11,8
Đường tổng số/Total sugar	g	7,50	1,00
Chất xơ hòa tan (Polydextrose) Soluble fiber (Polydextrose)	g	20,5	8,20
Phốt-pho Phospho	g	4,30	1,72
Vitamin/Vitamins	IU	390	436
Vitamin D3	IU	300	120
Vitamin E	IU	13,8	5,52
Vitamin K1	µg	27,1	11,0
Vitamin C	mg	74,9	29,6
Vitamin B1	µg	480	272
Vitamin B2	µg	630	332
Niacin	µg	11300	4520
Kali pantothenic/Pantothemic acid	µg	2200	880
Vitamin B6	µg	1140	456
Acid folic/Folic acid	µg	210	84,0
Vitamin B12	µg	1,45	0,58
Hàm lượng chất khoáng			
Natri/Sodium	mg	150	60,0
Kali/Potassium	mg	94,9	37,6
Canxi/Calcium	mg	227	90,8
Phốt-pho/Phosphorus	mg	72,9	29,0
Sắt/Iron	mg	24,5	10,0
kẽm/Zinc	mg	6,00	2,40

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.
Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa. Không dành cho người nhạy cảm với sữa, Đậu nành. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.



Lean max Rena Gold 1

CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG GIẢM PROTEIN GIÚP GIẢM GÃNH NẶNG CHO THẬN

GI=42

Ít Natri, Kali, Phốt-pho hỗ trợ cân bằng điện giải

Isomaltulose, Isomalt, Maltitol hỗ trợ ổn định đường huyết

Axit béo không bão hòa hỗ trợ tim mạch

CÔNG THỨC
Giảm lượng nước vào cơ thể

Khối lượng tịnh: **400 g**

Thực phẩm bổ sung

DÙNG ĐƯỢC CHO NGƯỜI SUY GIẢM CHỨC NĂNG THẬN CHƯA CHẠY THẬN, CÓ ĐÁI THÁO ĐƯỜNG

THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG LEANMAX RENA GOLD 1

Theo khuyến nghị Hiệp hội Thận Quốc gia của Hoa Kỳ (The National Kidney Foundation), người suy giảm chức năng thận cần một chế độ dinh dưỡng giảm Protein, hạn chế các chất điện giải. Leanmax Rena Gold 1 bổ sung dinh dưỡng, cung cấp ít Protein với hàm lượng Natri, Kali, Phốt-pho được kiểm soát, hỗ trợ cân bằng điện giải và duy trì sức khỏe tổng thể, dùng được cho người suy giảm chức năng thận, chưa chạy thận, có đái tháo đường.

- GIẢM Protein:**
Protein thấp phù hợp với người suy giảm chức năng thận chưa chạy thận.
- HỖ TRỢ CÂN BẰNG ĐIỆN GIẢI:**
Ít Natri, Kali, Phốt-pho hỗ trợ cân bằng điện giải, tránh gây dư thừa Natri dẫn đến phù nề. Đặc biệt với công thức pha phù hợp, giảm thiểu lượng nước* cung cấp vào cơ thể.
- HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐƯỜNG HUYẾT:**
Hệ bột đường Isomaltulose, Isomalt, Maltitol hấp thu chậm được EFSA chứng nhận có chỉ số đường huyết thấp, giúp ổn định đường huyết. **GI=42**
- HỖ TRỢ TIM MẠCH, PHÒNG THIỂU MÁU:**
Bổ sung axit béo không bão hòa (MUFA, PUFA) nguồn gốc thực vật giúp giảm cholesterol máu, tốt cho tim mạch. Bổ sung Sắt - Acid Folic giúp hạn chế tình trạng thiếu máu.
- HỖ TRỢ PHỤC HỒI SỨC KHỎE, CẢI THIỆN TIÊU HÓA:**
Dinh dưỡng có năng lượng, đầy đủ vitamin và khoáng chất cần thiết giúp tăng cường sức khỏe. Chất xơ hòa tan hỗ trợ sức khỏe đường ruột, giảm táo bón.

* Số và cách pha thông thường của sản phẩm Leanmax Colostum.



Sản phẩm được phát triển bởi Viện Dinh Dưỡng Y Học Nutricare Hoa Kỳ



Leanmax Rena Gold 1

CHẾ ĐỘ DINH DƯỠNG
GIẢM PROTEIN
GIÚP GIẢM GÁNH NẶNG CHO THẬN



+
Ít Natri, Kali, Phốt pho hỗ trợ cân bằng điện giải

GI=42
Isomaltulose, Isomalt, Maltitol hỗ trợ ổn định đường huyết

✓
Axit béo không bão hòa hỗ trợ tim mạch



Khối lượng tịnh: **40 g**

Thực phẩm bổ sung

✓ DÙNG ĐƯỢC CHO NGƯỜI SUY GIẢM CHỨC NĂNG THẬN CHƯA CHẠY THẬN, CÓ ĐÁI THÁO ĐƯỜNG

THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG LEANMAX RENA GOLD 1

Theo khuyến nghị Hiệp hội Thận Quốc gia của Hoa Kỳ (The National Kidney Foundation), người suy giảm chức năng thận cần một chế độ dinh dưỡng giảm Protein, hạn chế các chất điện giải.
Leanmax Rena Gold 1 bổ sung dinh dưỡng, cung cấp ít Protein với hàm lượng Natri, Kali, Phốt pho được kiểm soát, hỗ trợ cân bằng điện giải và duy trì sức khỏe tổng thể, dùng được cho người suy giảm chức năng thận, chưa chạy thận, có đái tháo đường.

GIẢM Protein:
Protein thấp phù hợp với người suy giảm chức năng thận chưa chạy thận.

HỖ TRỢ CÂN BẰNG ĐIỆN GIẢI:
Ít Natri, Kali, Phốt pho hỗ trợ cân bằng điện giải, giảm gây dư thừa Natri dẫn đến phù nề. Các loại vitamin khác phù hợp, giảm thiểu lượng nước* cung cấp vào cơ thể.

HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐƯỜNG HUYẾT:
Hệ sợi đường Isomaltulose, Isomalt, Maltitol giúp thu chậm được EPS chứng nhận chỉ số đường huyết thấp, giúp ổn định đường huyết. **GI=42**

HỖ TRỢ TIM MẠCH, PHÒNG THIỂU MÁU:
Bổ sung axit béo không bão hòa (MUFA, PUFA) nguồn gốc thực vật giúp giảm cholesterol máu, tốt cho tim mạch. Bổ sung Sắt - Acid Folate giúp hạn chế tình trạng thiếu máu.

HỖ TRỢ PHỤC HỒI SỨC KHỎE, CẢI THIỆN TIÊU HÓA:
Đinh dưỡng cân bằng lượng, đầy đủ vitamin và khoáng chất dẫn thiết yếu tăng cường sức khỏe. Chất xơ hòa tan hỗ trợ sự khỏe đường ruột, giảm táo bón.

THÀNH PHẦN
Chất béo thực vật, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Dăm đầu nhai, Fructose, Isomaltulose (3%), Isomalt (2,5%), Dăm sữa, Maltitol (1,5%), Maltodextrin, Các Khoáng chất (Carni carbonat, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Acid folic, Carni-D-panthothenat, Cyanocobalamin, Pyridoxan hydroclorid, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Phylloquinon), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương kem, hương vani).

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ
- Trẻ từ 6 - 8 tuổi dùng 2 gói/ngày.
- Trẻ 8 tuổi dùng 2 - 3 gói/ngày.
Hoặc theo hướng dẫn của bác sĩ chuyên gia dinh dưỡng.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG
Cho từ từ 1 gói (tương đương 40 g bột) vào 95 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết. Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ.

BẢO QUẢN
Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE
VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Tự công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Nhà máy 3: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam. Xuất xứ: Việt Nam.
Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CMC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001. NSX và HSD: Xem trên bao bì. Số CBSP: TB6/NUTRICARE/2025.

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
1800.6011
(MIỄN PHÍ cuộc gọi đến)
www.nutricare.com.vn



GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH AVERAGE NUTRITIONAL VALUES ⁽¹⁾			
Thành phần Component	Đơn vị Unit	Trong 100g bột Per 100g powder	Trong 125 ml pha chuẩn Per serving (125ml)
Năng lượng/Energy	kcal	455	382
Chất đạm/Protein	g	10,0	4,00
BCAA	mg	1540	616
Leucine/Leucine	mg	750	300
Isoleucine/Isoleucine	mg	400	160
Valine/Valine	mg	390	156
Chất béo/Lipid	g	28,6	11,4
Tổng axit béo không bão hòa (MUFA, PUFA) Total unsaturated fatty acids	mg	9660	3944
Carbohydrat/Carbohydrate	g	29,5	11,8
Đường tổng số/Total sugars	g	7,50	3,00
Chất xơ hòa tan (Polydextrose) Soluble fiber (Polydextrose)	g	20,5	8,20
Polysaccharide	g	4,30	1,72
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1090	436
Vitamin D3	IU	300	120
Vitamin E	IU	13,8	5,52
Vitamin K1	µg	27,5	11,0
Vitamin C	mg	74,0	29,6
Vitamin B1	µg	680	272
Vitamin B2	µg	830	332
Niacin	µg	1300	420
Acid panthothenic/Panthenic acid	µg	200	80
Vitamin B6	µg	1140	456
Acid folic/Folic acid	µg	210	84,0
Vitamin B12	µg	1,45	0,58
Khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	750	60,0
Kali/Potassium	mg	14,0	5,60
Canxi/Calcium	mg	237	94,8
Phốt pho/Phosphorus	mg	72,0	28,8
Sắt/Iron	mg	12,5	5,00
Kẽm/Zinc	mg	6,00	2,40

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.
* Số về cách pha thông thường của sản phẩm Leanmax Colostrum.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa. Không dành cho người nhạy cảm với Sữa, Đậu nành. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM

Số: T86/NUTRICARE/2025

Tên tổ chức, cá nhân: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 0104937284-002

Điện thoại: 02466833368.

Email: contact@nutricare.com.vn

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Sản phẩm dinh dưỡng Leanmax Rena Gold 1.

2. Thành phần cấu tạo

Chất béo thực vật, Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Đạm đậu nành, Fructose, Isomaltulose (3%), Isomalt (2,5%), Đạm sữa, Maltitol (1,5%), Maltodextrin, Các Khoáng chất (Canxi carbonat, Sắt pyrophosphat, Kẽm sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Axit folic, Canxi-D-pantothenat, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Phylloquinon), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương kem, hương vani).

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột tơi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị đắng đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ (đắng khét).
4	Đặc tính khác	Dung dịch có màu vàng nhạt

4. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu



Thành phần	Đơn vị	Tối thiểu trong 100g bột
Năng lượng	kcal	364
Chất đạm	g	8,00
BCAA	mg	1232
Leucin	mg	600
Isoleucin	mg	320
Valin	mg	312
Chất béo	g	22,9
Tổng axit béo không bão hòa (MUFA, PUFA)	mg	7888
Carbohydrat	g	23,6
Đường tổng số	g	6,00
Chất xơ hòa tan (Polydextrose)	g	16,4
Polyols	g	3,44
Vitamin		
Vitamin A	IU	872
Vitamin D3	IU	240
Vitamin E	IU	11,0
Vitamin K1	µg	22,0
Vitamin C	mg	59,2
Vitamin B1	µg	544

Vitamin B2	μg	664
Niacin	μg	9040
Axit pantothenic	μg	1760
Vitamin B6	μg	912
Axit folic	μg	168
Vitamin B12	μg	1,16
Khoáng chất		
Natri	mg	120
Kali	mg	11,2
Canxi	mg	190
Phốt pho	mg	57,6
Sắt	mg	10,0
Kẽm	mg	4,80

284-C
HÀN
CỔ P
DƯỚI
ICAF
NH - T.

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	<i>Salmonella</i>	/25 g	KPH
2	<i>Enterobacteriaceae</i>	CFU/g	10
3	<i>Staphylococci dương tính với coagulase</i>	CFU/g	10
4	<i>L. monocytogens</i>	CFU/g	100
5	Nội độc tố của <i>Staphylococcus</i>	CFU/g	KPH

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

11. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Địa chỉ: Nhà máy 1, Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.

Bắc Ninh, ngày 07 tháng 10 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Kí tên, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Công Quý

